

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ
NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM – CTCP
(VIWASEEN)**



**TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2026**



Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Ngày 23 tháng 4 năm 2026

TT	Thời gian	Nội dung
1	8h00' - 8h30'	Đón tiếp đại biểu và đăng ký các cổ đông
2	8h30' - 8h35'	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông, công bố số lượng cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội
3	8h35' - 8h40'	Chào cờ, tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu
4	8h40' - 8h45'	Thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban Kiểm phiếu
5	8h45' - 8h55'	Thông qua chương trình và quy chế làm việc của ĐHĐCĐ
6	8h55' - 9h10'	Báo cáo của Ban điều hành về kết quả SXKD năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026
7	9h10' - 9h15'	Tờ trình của HĐQT về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán
8	9h15' - 9h30'	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026
9	9h30' - 9h45'	Báo cáo của Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ
10	9h45' - 9h50'	Tờ trình của HĐQT về thông qua phương án chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch năm 2026
11	9h50' - 9h55'	Tờ trình của BKS về việc thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty
12	9h55' - 10h00'	Tờ trình của HĐQT về phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2025
13	10h00' - 10h15'	Tờ trình về sửa đổi bổ sung Điều lệ và các quy chế: - Quy chế nội bộ về quản trị; - Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị; - Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát
14	10h15' - 10h20'	Tờ trình của HĐQT về chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của Tổng công ty
15	10h20' - 10h25'	Tờ trình của HĐQT về thông qua chủ trương giao dịch giữa VIWASEEN với Tổng công ty cổ phần VINACONEX và các Công ty thành viên của Tổng công ty cổ phần VINACONEX
16	10h25' - 10h30'	Tờ trình của HĐQT về thông qua chủ trương giao dịch giữa VIWASEEN với các Công ty con, công ty liên kết của VIWASEEN
17	10h30' - 10h45'	GIẢI LAO
18	10h45' - 11h05'	Phát biểu của cổ đông
19	11h05' - 11h15'	Tổng hợp và trả lời các ý kiến thảo luận của cổ đông
20	11h15' - 11h25'	Biểu quyết thông qua các Báo cáo và Tờ trình
21	11h25' - 10h35'	Thông qua Biên bản và Nghị quyết
22	11h35'	Bế mạc





TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM – CTCP (VIWASEEN)

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2026

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM - CTCP

Căn cứ:

- ✚ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- ✚ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- ✚ Điều lệ của Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 26/02/2021;
- ✚ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 25/6/2021,

Mục tiêu của Quy chế:

- ✚ Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- ✚ Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP.

Ban Tổ chức xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

- 1.1 Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội hướng dẫn, tuân thủ việc sắp xếp vị trí chỗ ngồi của Ban Tổ chức.
- 1.2 Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ không để chuông.
- 1.3 Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội đồng cổ đông từ khi bắt đầu đại hội cho đến khi kết thúc đại hội và thực hiện quyền/nghĩa vụ biểu quyết đối với tất cả các nội dung trình Đại hội thông qua. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để gửi ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức hoặc không gửi lại phiếu biểu quyết về các nội dung của Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó được coi là đã không



thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội (đối với những nội dung mà cổ đông/đại diện cổ đông đó không thực hiện biểu quyết).

II. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

- 2.1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của Tổng công ty
- 2.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2.1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- 2.3 Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2.2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

3.1 Đối tượng được tham gia biểu quyết

Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) lập tại Ngày đăng ký cuối cùng 26/03/2026) tham dự ĐHĐCĐ.

3.2 Nguyên tắc biểu quyết

- 3.2.1 Các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết tại Đại hội. Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết trong đó ghi Mã số tham dự, số phiếu biểu quyết của cổ đông và có đóng dấu của Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP.
- 3.2.2 Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

3.3 Cách biểu quyết

- 3.3.1 Cổ đông/đại diện cổ đông biểu quyết từng vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội theo điều khiển của Chủ tọa bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và ghi Phiếu biểu quyết. Trong trường hợp có sự khác biệt về kết quả biểu quyết giữa

phương thức giơ Thẻ biểu quyết và ghi Phiếu biểu quyết, kết quả biểu quyết tại ĐHĐCĐ được xác định theo phương thức ghi Phiếu biểu quyết thu về tại Đại hội.

3.3.2 Biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết

Cổ đông/đại diện cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết (Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến) cho từng nội dung. Khi biểu quyết, cổ đông/đại diện cổ đông giơ cao Thẻ biểu quyết của mình lên khi được Chủ tọa hỏi. Theo sự điều hành của Chủ tọa, cổ đông/đại diện cổ đông “Tán thành” sẽ giơ Thẻ biểu quyết lên trước, tiếp sau đó cổ đông/đại diện cổ đông “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” sẽ lần lượt giơ Thẻ biểu quyết.

3.3.3 Biểu quyết bằng phương thức ghi Phiếu biểu quyết:

a) Mỗi nội dung tại Phiếu biểu quyết có 03 ô để cổ đông lựa chọn ý kiến biểu quyết bao gồm:

- Ô biểu quyết “Tán thành”;
- Ô biểu quyết “Không tán thành”;
- Ô biểu quyết “Không có ý kiến”.

b) Khi biểu quyết từng nội dung, cổ đông/người đại diện của cổ đông dự họp thể hiện ý kiến biểu quyết (“Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”) bằng cách đánh dấu “X” hoặc “√” vào 01 trong 03 ô biểu quyết của nội dung biểu quyết, ký và ghi rõ họ tên vào Phiếu biểu quyết để nộp cho Ban Kiểm phiếu. Nội dung phiếu biểu quyết không hợp lệ là nội dung mà cổ đông/người đại diện của cổ đông không đánh dấu vào ô biểu quyết nào hoặc đánh dấu vào nhiều hơn một ô biểu quyết đối với cùng 1 nội dung biểu quyết. Nếu Phiếu biểu quyết hợp lệ có một hoặc một số nội dung biểu quyết không hợp lệ thì các nội dung hợp lệ còn lại vẫn được tính vào kết quả biểu quyết đối với nội dung hợp lệ đó.

c) Việc bỏ phiếu Phiếu biểu quyết được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa Đại hội hoặc đại diện Ban Kiểm phiếu và kết thúc khi Ban Kiểm phiếu thu hết Phiếu biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông dự họp hoặc sau 15 (mười lăm) phút kể từ thời điểm Chủ tọa tuyên bố bắt đầu thời gian bỏ phiếu, tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước.

d) Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông có yêu cầu đổi lại Phiếu biểu quyết do bị rách, nát, sơ suất viết thêm các ký hiệu lên Phiếu biểu quyết, nếu cổ đông/đại diện cổ đông chưa bỏ phiếu biểu quyết và chưa hết thời gian bỏ phiếu, thì cổ đông/đại diện cổ đông được quyền gặp trực tiếp Ban Kiểm phiếu trả lại Phiếu biểu quyết đã nhận để đổi lại Phiếu biểu quyết mới nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông/đại diện cổ đông. Ban Kiểm phiếu tập hợp các Phiếu biểu quyết cũ và gửi lại Chủ tọa Đại hội.

e) Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm thu Phiếu biểu quyết, kiểm Phiếu biểu quyết, lập Biên bản kết quả kiểm phiếu và báo cáo trước Đại hội. Mọi khiếu nại về kết quả biểu quyết sẽ được Ban Kiểm phiếu xem xét và giải quyết ngay tại Đại hội.

3.4 Các trường hợp biểu quyết được coi là không hợp lệ:

3.4.1 Các trường hợp việc biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông được coi là không hợp lệ:

- a) Cổ đông/đại diện cổ đông không giờ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” của cùng một vấn đề.
 - b) Cổ đông/đại diện cổ đông giờ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn 01 lần khi biểu quyết một vấn đề.
- 3.4.2 Các trường hợp việc biểu quyết bằng ghi Phiếu biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông được coi là không hợp lệ:
- a) Phiếu biểu quyết không theo mẫu quy định của Tổng công ty hoặc không có dấu của Tổng công ty.
 - b) Phiếu biểu quyết bị tẩy xóa làm cho không thể xác định được một cách rõ ràng về ý định biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông đối với nội dung được biểu quyết tương ứng.
 - c) Phiếu biểu quyết không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông.
 - d) Phiếu biểu quyết không ghi các thông tin về cổ đông/đại diện cổ đông.
 - e) Trường hợp một nội dung biểu quyết có từ hai phương án biểu quyết trở lên mà cổ đông/đại diện cổ đông lựa chọn tán thành vào cả hai hoặc nhiều hơn hai phương án biểu quyết.
 - f) Một nội dung biểu quyết có ghi từ 02 ý kiến biểu quyết khác nhau (“Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”) hoặc không có lựa chọn ý kiến biểu quyết nào thì phần biểu quyết đối với nội dung đó bị coi là không hợp lệ.
 - g) Trường hợp Phiếu biểu quyết có nhiều nội dung biểu quyết, nếu có một hoặc một số nội dung biểu quyết không hợp lệ thì chỉ nội dung biểu quyết đó sẽ được tính là không hợp lệ và không ảnh hưởng tới tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác trong Phiếu biểu quyết đó.

IV. ĐIỀU KIỆN THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CỔ ĐÔNG TẠI ĐẠI HỘI

- 4.1 Mỗi cổ phần của cổ đông/đại diện cổ đông dự họp và thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội sẽ có một phiếu biểu quyết.
- 4.2 Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông/đại diện cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, ngoại trừ các vấn đề quy định tại mục 4.3, 4.4, 4.5, 4.6 và 4.7 dưới đây.
- 4.3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông/đại diện cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
 - đ. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;

e. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty.

- 4.4. Đối với việc thông qua Tờ trình về các hợp đồng và giao dịch giữa Tổng công ty với các đối tượng theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông: cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch đó không có quyền biểu quyết. Tờ trình được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông/ đại diện cổ đông tham dự, có quyền biểu quyết về nội dung này và biểu quyết tại cuộc họp tán thành
- 4.5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- 4.6. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
- 4.7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

V. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

5.1 Nguyên tắc:

Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội có ý định phát biểu ý kiến thảo luận phải tiến hành đăng ký nội dung phát biểu theo mẫu Phiếu đăng ký phát biểu của Ban Tổ chức hoặc giao cao Thẻ Biểu quyết đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa. Mẫu đăng ký phát biểu sẽ được phát cho từng cổ đông/đại diện cổ đông khi đến dự Đại hội. Cổ đông/đại diện cổ đông nộp Phiếu đăng ký phát biểu tại Ban Thư ký Đại hội trong quá trình Đại hội hoặc trong giờ nghỉ giải lao. Để đảm bảo trật tự của Đại hội khi thảo luận, những cổ đông/đại diện cổ đông đăng ký phát biểu theo Mẫu đăng ký sẽ được ưu tiên phát biểu trước, sau đó lần lượt các cổ đông/đại diện cổ đông giao Thẻ Biểu quyết sẽ phát biểu theo sự sắp xếp của Chủ tọa.

5.2 Cách thức phát biểu:

Cổ đông/đại diện cổ đông phát biểu phải đảm bảo:

- a) Phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Trường hợp ý kiến đề xuất phức tạp, cần nhiều thời gian để trình bày thì cổ đông có thể gửi bằng văn bản đến Ban Tổ chức 02 ngày trước ngày diễn ra Đại hội.
- b) Không trình bày lại những vấn đề đã được đề cập trước đó.
- c) Không đề xuất các vấn đề thuộc quyền hạn của Hội đồng quản trị.

- d) Không đề xuất các vấn đề không đúng thẩm quyền hoặc nằm ngoài nội dung Chương trình Đại hội đã được phê duyệt.
- e) Nội dung đề xuất không được vi phạm Pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn doanh nghiệp để thực hiện hữu hiệu.
- f) Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông/đại diện cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông/đại diện cổ đông. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông/đại diện cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

VI. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

- 6.1 Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
- 6.2 Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
- 6.3 Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông/đại diện cổ đông dự họp.
- 6.4 Chủ tọa có quyền:
 - a) Yêu cầu tất cả cổ đông/đại diện cổ đông dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những cổ đông/đại diện cổ đông không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 6.5 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số cổ đông/đại diện cổ đông đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả cổ đông/đại diện cổ đông dự họp.
 - b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông/đại diện cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.
 - c) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
- 6.6 Giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ ĐẠI HỘI

- 7.1 Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được Đại hội thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
- 7.2 Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU

- 8.1 Tham gia đón tiếp và hướng dẫn bố trí chỗ ngồi cho cổ đông.

- 8.2 Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
- 8.3 Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.
- 8.4 Tổ chức kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu biểu quyết và công bố kết quả biểu quyết của Đại hội.
- 8.5 Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn từ khiếu nại về việc biểu quyết tại Đại hội.

IX. BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 9.1 Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi đầy đủ, trung thực vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
- 9.2 Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua trước khi bế mạc và được đăng tải trên website của Tổng công ty sau khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Tô Dũng
Chủ tịch HĐQT

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD, ĐTPT NĂM 2025
KẾ HOẠCH SXKD, ĐTPT NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Tổng công ty trong năm 2025;

Tổng giám đốc Tổng công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả SXKD, ĐTPT năm 2025 và dự kiến kế hoạch năm 2026 như sau:

PHẦN I
KẾT QUẢ SXKD - ĐTPT NĂM 2025

Tổng công ty VIWASEEN bước vào thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2025 với nhiều khó khăn thách thức, bên cạnh nguồn việc chuyển tiếp từ năm trước sang không đáp ứng được yêu cầu, nguồn việc mới trong năm kế hoạch gặp khó khăn thì những hạn chế trong nội tại doanh nghiệp chưa khắc phục được, ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất, kết quả và hiệu quả SXKD. Mặc dù Ban lãnh đạo và CBCNV đã có nhiều cố gắng, nỗ lực để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD, tuy nhiên các chỉ tiêu kế hoạch đề ra đạt được trong năm không cao. Kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD, ĐTPT năm 2025 của Tổng công ty như sau:

1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chính đã thực hiện trong năm 2025

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% TH/KH năm 2025
1. Hợp nhất TCT			
- Giá trị SXKD	1.255,7	1.146,9	91,3%
- Giá trị ĐTPT	56,2	9,6	17,1%
- Tổng doanh thu, Thu nhập	1.143,3	981,9	85,9%
- Lợi nhuận trước thuế	27,7	38,1	137,5%
- Nộp ngân sách	42,3	47,1	111,3%
2. Công ty Mẹ			
- Giá trị SXKD	487,8	345,0	70,7%

- Giá trị ĐTPT	22,9	4,6	20,1%
- Tổng doanh thu, TN	503,9	285,1	56,6%
- Lợi nhuận trước thuế	2,6	1,2	46,2%
- Nộp ngân sách	12,0	15,6	130,0%
- Tỷ lệ cổ tức (%)	0%	0%	

2. Đánh giá tổng quan về hiệu quả hoạt động SXKD năm 2025

- Kết quả kinh doanh hợp nhất: Tổng doanh thu 981,9 tỷ đồng, đạt 85,9% so với kế hoạch năm 2025. Lợi nhuận trước thuế 38,1 tỷ đồng, đạt 137,5% so với kế hoạch năm 2025.

- Kết quả kinh doanh công ty Mẹ: Tổng doanh thu 285,1 tỷ đồng, đạt 56,6% so với kế hoạch năm 2025. Lợi nhuận trước thuế 1,2 tỷ đồng, đạt 46,2% so với kế hoạch năm 2025.

- Đánh giá: Năm 2025 toàn Tổng công ty về doanh thu hợp nhất tuy chưa đạt kế hoạch đề ra, nhưng đối với chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế so với kế hoạch năm đạt và vượt mức so kế hoạch đề ra. Riêng công ty Mẹ hiệu quả của SXKD và ĐTPT còn thấp, cả 2 chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận so với kế hoạch năm đều không đạt yêu cầu.

3. Về hoạt động xây lắp

Năm 2025 ở các đơn vị thành viên WASECO và VIWASEEN14 hoạt động xây lắp đạt kết quả tương đối tốt. Các đơn vị thành viên còn lại do khó khăn về nguồn công việc nên kết quả đạt được còn thấp.

Với Công ty Mẹ: đã hoàn thành quyết toán, thu hồi vốn và bàn giao đưa vào sử dụng các gói thầu tuyển ống cấp nước Lê Đại Hành TP.HCM, gói thầu ĐHW1/ĐHW3 – Dự án thoát nước Quảng Bình ... Tuy nhiên kết quả hoạt động xây lắp của Công ty mẹ chưa cao, nguyên nhân chủ yếu là do thiếu nguồn công việc, các công trình chuyển tiếp từ năm trước sang không đảm bảo tiến độ thực hiện.

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm của công ty Mẹ như sau:

- Công trình Sân bay Techo: đã hoàn thành, bàn giao các hạng mục đưa vào sử dụng. Hiện đang hoàn thiện các hồ sơ quyết toán, thu hồi vốn với Chủ đầu tư;

- Công trình Siêm Riệp: đã hoàn thành, bàn giao công trình đưa vào sử dụng. Đã hoàn thành quyết toán và thu hồi vốn, hiện đang thực hiện công tác bảo hành;

- Công trình NMN Mật Sơn – Thanh Hóa: tiến độ thi công thực tế chậm do nhiều nguyên nhân khác nhau như: vướng mặt bằng, điều chỉnh thiết kế, điều kiện thời tiết... Hiện công trình đã bước vào giai đoạn thanh quyết toán;

- Công trình Thanh Văn – Tân Ước: chỉ triển khai thực hiện 02 hạng mục (HM: san nền; HM: Giao thông, xử lý nền đất yếu, thoát nước mưa), tuy nhiên, do khó khăn về nguồn vật liệu phục vụ công tác san lấp cũng như điều kiện thời tiết trong thời gian qua không thuận lợi nên đến hiện tại đã dừng thi công và đang tiến hành nghiệm thu thanh toán, quyết toán và thanh lý hợp đồng với Chủ đầu tư

4. Về hoạt động SXCN, Khai thác bất động sản và dịch vụ:

Trong năm, lĩnh vực SXCN của Tổng Công ty tập trung ở mảng sản xuất kinh doanh nước sạch, nước thô và điện chiếu sáng mặt trời. Trong lĩnh vực này, các đơn vị vẫn duy trì hoạt động ổn định, cấp nước đảm bảo an toàn cho các khách hàng và đảm bảo các chỉ tiêu SXKD đề ra.

Lĩnh vực Khai thác bất động sản và dịch vụ: tập trung ở mảng cho thuê văn phòng và khai thác quản lý dịch vụ tòa nhà tại Công ty mẹ và WASECO, kết quả SXKD ở mảng này đạt được tốt, góp phần đem lại hiệu quả cho hoạt động SXKD của đơn vị.

5. Về hoạt động đầu tư

Hoạt động đầu tư của toàn Tổng công ty trong năm 2025 không hoàn thành kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

Công ty Mẹ: Giá trị đầu tư đạt 4,6/22,9 tỷ đồng, bằng 20,1% kế hoạch năm. Hoạt động đầu tư không hoàn thành kế hoạch đề ra do các nguyên nhân cụ thể sau:

- Các dự án đầu tư bất động sản: dự án 52 Quốc Tử Giám, dự án 56 - 58 Hạ Đình vẫn chưa tháo gỡ được các khó khăn, vướng mắc của dự án như: thủ tục xác định nghĩa vụ tài chính để tính tiền thuê đất bổ sung theo quy hoạch tổng mặt bằng mới tại dự án 52 Quốc Tử Giám; thủ tục chấm dứt hợp đồng hợp tác với Công ty Tiên Đại Phát tại dự án 56 - 58 Hạ Đình,...

- Các dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước: năm 2025 Tổng Công ty đã thực hiện dự án di dời Trạm xử lý nước sạch cấp cho Khu công nghiệp DEEP-C từ ngày 31/10/2025. Tiến độ dự án này cơ bản đáp ứng kế hoạch đề ra. Đối với dự án Đầu tư xây dựng, lắp đặt tuyến ống nước thô số 2 và dự án Đầu tư xây dựng, lắp đặt tuyến ống nước thô tại KCN DEEP-C1 thành phố Hải Phòng đã hoàn thành công tác phê duyệt dự án đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tuy vậy chưa triển khai thực hiện được do chưa bố trí được nguồn vốn;

Tại các đơn vị thành viên, ngoài Công ty WASECO tiếp tục cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các tiện ích tòa nhà trụ sở, sửa chữa duy tu hàng năm nhà máy nước ĐăkMil theo kế hoạch; Dự án đầu tư tại quận 9 TP. HCM tập trung tìm các hướng để triển khai, trong năm mới chỉ thực hiện được đóng tiền sử dụng đất hàng năm. Các đơn vị còn lại trong năm 2025 đều không có hoạt động trong lĩnh vực đầu tư.

6. Về hoạt động tài chính, kế toán

Công tác kế toán, lập, kiểm toán và công bố các Báo cáo quyết toán tài chính quý, 6 tháng và năm được thực hiện đầy đủ, tuân thủ chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc lập và kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất còn tồn tại do báo cáo tài chính của một số Công ty con (Công ty Viwaseen.2, Công ty Viwaseen.4, Công ty Viwamex, Công ty Viwaseen Phương hướng) và một số Công ty liên kết chưa được kiểm toán nên Báo cáo tài chính kiểm toán bị ghi nhận ý kiến ngoại trừ. Tổng Công ty cũng đã chỉ đạo Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại các đơn vị thành viên tiến hành rà soát, đánh giá, báo cáo tình hình tài chính của các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng Công ty.

Công tác thanh toán, quyết toán, thu hồi công nợ được quan tâm chỉ đạo, phân công trách nhiệm cụ thể; tuy nhiên nguồn thu từ hoạt động xây lắp chậm, không đúng theo kế hoạch và phương án kinh doanh đề ra nên đã ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch tài chính, trả nợ ngân hàng.

Công tác tái cơ cấu: thực hiện chỉ đạo của SCIC trong việc bán phần vốn của SCIC tại đơn vị, Tổng công ty đã hoàn thành việc phối hợp đơn vị tư vấn - Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC trong việc thẩm định giá. Công tác thoái vốn Nhà nước đã được thực hiện thành công, việc chuyển giao Chủ sở hữu giữa SCIC và Vinaconex cũng đã được thực hiện trong tháng 12 năm 2025.

7. Các hoạt động khác

a) Công tác tái cơ cấu tổ chức sản xuất, bộ máy quản lý

Thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy Tổng công ty và Hội đồng quản trị về việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức các phòng, ban và đơn vị trực thuộc TCT. Từ 19/11/2025, đã thành lập, kiện toàn 04 phòng ban Tổng công ty và giao nhiệm vụ cho lãnh đạo các phòng ban.

Ban điều hành đã triển khai xây dựng định biên và cơ cấu nhân sự các Phòng, ban cho phù hợp với chức năng nhiệm vụ của từng Phòng ban sau khi sắp xếp kiện toàn, đặc biệt là sau khi Tổng công ty VINACONEX nhận chuyển giao quyền Chủ sở hữu từ SCIC.

Các bộ phận phòng ban tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Quy định chức năng nhiệm vụ theo định hướng quản trị thống nhất từ Tổng công ty VINACONEX.

b) Sửa đổi bổ sung và ban hành mới các Quy chế, quy định của TCT

- Trong năm 2025, Ban điều hành đã xây dựng dự thảo sửa đổi, bổ sung trình HĐQT TCT các quy chế: đã được thông qua và ban hành: Quy chế Công bố thông tin; xem xét và cho ý kiến đối với: (1) Quy chế Người đại diện Vốn tại các doanh nghiệp; (2) Quy chế hoạt động Ban Tổng giám đốc; (3) Quy chế quản lý hoạt động xây lắp.

- Sau khi Tổng công ty VINACONEX tiếp nhận, các bộ phận tiếp tục rà soát, đề trình HĐQT ban hành sửa đổi toàn bộ hệ thống các văn bản pháp lý nội bộ của Tổng công ty để phù hợp với mô hình quản trị mới.

PHẦN II

KẾ HOẠCH SXKD, ĐTPPT NĂM 2026

Trên cơ sở kết quả đã đạt được trong năm 2025, các định hướng phát triển trong năm 2026, Tổng công ty dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD, ĐTPPT năm 2026 như sau:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2026	Thực hiện năm 2025	% KH2026 /TH 2025
1. Hợp nhất TCT			
- Giá trị SXKD	886,8	1.146,9	77,3%
- Giá trị ĐTPPT	152,3	9,6	1586,5%
- Tổng doanh thu, TN	846,2	981,9	86,2%
- Lợi nhuận trước thuế	52,4	38,1	137,5%
- Nộp ngân sách	38,7	47,1	82,2%
2. Công ty Mẹ			
- Giá trị SXKD	105,3	345,0	30,5%
- Giá trị ĐTPPT	118,7	4,6	2580,4%
- Tổng doanh thu, TN	133,5	285,1	46,8%
- Lợi nhuận trước thuế	1,25	1,23	101,6%
- Nộp ngân sách	9,7	15,6	62,2%
- Tỷ lệ cổ tức (%)	0%	0%	

2. Định hướng và giải pháp thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

- Nghiên cứu, khảo sát, tìm kiếm cơ hội để đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi vốn là thế mạnh của Tổng công ty, đó là hạ tầng cấp thoát nước, xử lý nước thải và môi trường dựa trên nền tảng công nghệ tiên tiến, ưu tiên đối với các dự án PPP. Đặt mục tiêu từng bước khôi phục và giành lại vị thế hàng đầu của Tổng công ty trong lĩnh vực cấp thoát nước và môi trường;

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trên mọi lĩnh vực để nâng cao tính minh bạch trong công tác quản trị và điều hành, từng bước hoàn thiện tự động hóa, Scada các nhà máy nhằm tiết kiệm chi phí nhân công, tối ưu công tác vận hành, mở rộng mạng lưới tiêu thụ các NM nước để nâng công suất khai thác vận hành, giảm tỉ lệ thất thoát nước, kiểm soát tốt chi phí đầu vào nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;

- Đối với lĩnh vực khai thác bất động sản và dịch vụ: Tiếp tục rà soát, khai thác có hiệu quả, tối ưu nguồn thu tại các dự án đã hoàn thành, đưa vào khai thác sử dụng. Khẩn trương hoàn thiện các thủ tục pháp lý đối với dự án 52 Quốc Tử Giám, dự kiến khởi công trong tháng 5 năm 2026. Tiếp tục hoàn thiện thủ tục đối với các dự án khác.

- Tập trung quyết liệt vào công tác quyết toán để thu hồi công nợ triệt để đối với các dự án, công trình xây lắp đã hoàn thành. Đối với các dự án công trình chuyển tiếp từ năm 2025 và đang thực hiện: Khẩn trương thực hiện các công việc còn lại, hoàn thành dự án đúng tiến độ đã cam kết, đôn đốc Chủ đầu tư nghiệm thu, quyết toán thu hồi vốn kịp thời, đảm bảo hiệu quả theo phương án kinh tế;

- Kiện toàn bộ máy các phòng ban, định biên nhân sự để nâng cao tính chuyên nghiệp, chuyên môn hóa các phòng ban, năng lực, hiệu quả trong tham mưu, tổ chức thực hiện các công việc, dự án trong giai đoạn mới; từng bước nâng cao thu nhập cho người lao động; sửa đổi, hoàn thiện và ban hành các Quy chế, quy định phù hợp với mô hình quản trị mới.

Trên đây là kết quả hoạt động SXKD, ĐTPT năm 2025 và kế hoạch thực hiện năm 2026 của Tổng công ty VIWASEEN, Tổng Giám đốc Tổng công ty xin báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hải Đăng

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ NƯỚC
VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM - CTCP
(VIWASEEN)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025
đã được kiểm toán**

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được Tổng công ty công bố trên cổng thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội và website Tổng công ty.

Hội đồng quản trị Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của Tổng công ty.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHỦ TỊCH



Tô Dũng

BÁO CÁO

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và Phương hướng, nhiệm vụ năm 2026

Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026 như sau:

Phần thứ nhất

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025

I- TỔ CHỨC, NHÂN SỰ CỦA HĐQT

Năm 2025, HĐQT Tổng công ty gồm 5 thành viên có cùng nhiệm kỳ hoạt động 2024-2029:

TT	Nhân sự	Chức danh
1	Lê Minh Đức	Chủ tịch HĐQT (hoạt động chuyên trách)
2	Ngô Văn Dũng	Thành viên HĐQT, TGD
3	Vũ Đoàn Chung	Thành viên HĐQT, P.TGD
4	Nguyễn Duy Hùng	Thành viên HĐQT (không điều hành)
5	Nguyễn Anh Tùng	Thành viên HĐQT (không điều hành)

Tại cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường ngày 05/3/2026, 05 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029 đã được miễn nhiệm. ĐHĐCĐ đã bầu 05 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026-2031 và HĐQT đã họp phiên thứ nhất bầu Chủ tịch HĐQT. Hiện nay, HĐQT gồm 05 thành viên không tham gia điều hành:

TT	Nhân sự	Chức danh
1	Tô Dũng	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Xuân Đông	Thành viên HĐQT
3	Nguyễn Hải Đăng	Thành viên HĐQT
4	Phan Quang Khải	Thành viên HĐQT
5	Hoàng Thiệu Bảo	Thành viên HĐQT



II- HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 06 cuộc họp (trong đó có 01 cuộc họp liên tịch với Thường vụ Đảng) và 38 lần lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT; ban hành 14 nghị quyết và 32 quyết định để chỉ đạo Ban điều hành và các đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2025. Các Nghị quyết, quyết định, biên bản các cuộc họp được lưu trữ và công bố thông tin theo quy định. Một số hoạt động cơ bản của HĐQT năm 2025 như sau:

- Xây dựng, ban hành và triển khai chương trình công tác năm 2025.
- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán, tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty Mẹ và các Công ty thành viên theo quy định của pháp luật.
- Chỉ đạo Ban điều hành tập trung công tác nghiệm thu, thanh toán khối lượng công trình, thực hiện quyết toán nội bộ, rà soát, thu hồi, xử lý nợ, đề xuất xử lý tài sản, hàng tồn kho...theo thẩm quyền.
- Phê duyệt Dự án Di dời Trạm xử lý nước sạch cấp cho KCN Deep CI, Deep CI II; phê duyệt Dự án Đầu tư xây dựng, lắp đặt tuyến ống nước thô tại KCN Deep CI, TP. Hải Phòng; phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án Trạm xử lý nước sạch cấp cho KCN DeepCI và DeepCII, giai đoạn 2; phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu trong quá trình thực hiện các dự án...
- Thông qua việc miễn nhiệm, bổ nhiệm Tổng Giám đốc, thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, thay đổi mẫu dấu pháp nhân của Tổng công ty, bổ nhiệm các Phó Tổng Giám đốc, quyết định nhân sự thuộc đối tượng quản lý tại các đơn vị...
- Chỉ đạo công tác phối hợp với SCIC và các đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện công tác thoái vốn của SCIC tại Tổng công ty.
- Cử Người đại diện vốn của Tổng công ty và giới thiệu tham gia HĐQT, BKS tại các công ty thành viên. Chỉ đạo Người đại diện vốn phối hợp các công ty thành viên thực hiện tăng cường công tác quản trị, quản lý, điều hành SXKD, phối hợp tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, bất thường theo đúng quy định của pháp luật.

(Chi tiết các nghị quyết, quyết định kèm theo Báo cáo tình hình quản trị Tổng công ty năm 2025 đăng tải trên Website: viwaseen.com.vn)

III- HOẠT ĐỘNG CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2025, HĐQT Tổng công ty gồm 5 thành viên: ông Lê Minh Đức, ông Ngô Văn Dũng, ông Nguyễn Anh Tùng, ông Vũ Đoàn Chung và ông Nguyễn Duy Hùng (đã được miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ bất thường ngày 5/3/2026) đã thực

hiện nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT Tổng công ty.

Các thành viên HĐQT đã triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Chương trình công tác năm 2025 và đảm bảo theo đúng phân công nhiệm vụ của từng thành viên.

IV- HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT BAN ĐIỀU HÀNH

1. Giám sát hoạt động của Ban điều hành.

Các hoạt động điều hành SXKD của Tổng công ty được HĐQT chỉ đạo, giám sát; việc giám sát của HĐQT thực hiện đúng thẩm quyền, quy định, không gây cản trở hoạt động điều hành của Ban điều hành.

HĐQT đã thực hiện việc giám sát Ban điều hành trong các hoạt động:

- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT; triển khai các biện pháp/giải pháp trong công tác: đấu thầu, tổ chức thi công, thanh quyết toán, thu hồi vốn công trình; quyết toán nội bộ; đầu tư xây dựng các dự án; kiện toàn bộ máy, nhân sự quản lý điều hành, tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp,...nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD và đầu tư.

- Giám sát việc tuân thủ Điều lệ, quy chế, quy định của Tổng công ty trong quản lý tài chính, sử dụng tài sản, vay vốn và sử dụng vốn trong hoạt động SXKD, việc triển khai thực hiện công tác kiểm kê định kỳ, xử lý kết quả sau kiểm kê, lập Báo cáo tài chính.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban điều hành.

HĐQT nhất trí với nhận định tình hình và đánh giá của Ban điều hành về các mặt hoạt động và kết quả đối với từng lĩnh vực được nêu trong báo cáo của Tổng Giám đốc.

2.1. Về kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD-ĐTPT năm 2025.

Đánh giá chung kết quả thực hiện SXKD, ĐTPT năm 2025 là chưa hoàn thành kế hoạch do ĐHCĐ thường niên năm 2025 giao.

Tổng công ty hoạt động SXKD với 3 lĩnh vực chính: Xây lắp, sản xuất kinh doanh nước và dịch vụ. Lĩnh vực xây lắp là lĩnh vực hoạt động truyền thống vẫn chiếm tỷ trọng lớn về sản lượng, doanh thu (khoảng 81%) nhưng chưa hiệu quả, còn nhiều rủi ro, mặt khác thị trường lĩnh vực này cạnh tranh khốc liệt và càng hạn chế khi Tổng công ty chưa giải trừ được lệnh cấm của Ngân hàng Thế Giới. Lĩnh vực SXCN, kinh doanh dịch vụ, BĐS vẫn duy trì sự ổn định, đóng góp tích cực vào kết quả SXKD và tình hình tài chính hiện nay. Kết quả cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Công ty Mẹ			Hợp nhất Tổng công ty		
		Kế hoạch	Thực hiện	% hoàn thành	Kế hoạch	Thực hiện	% hoàn thành
1	Giá trị SXKD	487,8	345,0	70,7%	1.255,7	1.146,9	91,3%
2	Đầu tư phát triển	22,9	4,6	20,1%	56,2	9,6	17,1%
3	Tổng doanh thu, TN	503,9	285,1	56,6%	1.143,3	981,9	85,9%
4	LN trước thuế	2,6	1,2	46,2%	27,7	38,1	137,5%
5	Nộp NSNN	12,0	15,6	130,0%	42,3	47,1	111,3%
6	Cổ tức	0%			-		

2.2. Về quản lý sử dụng, bảo toàn vốn

Tại thời điểm 31/12/2025, nợ phải trả là 480,8 tỷ đồng chiếm 43,8% tổng nguồn vốn, vốn CSH là 617 tỷ đồng chiếm 56,2%, hệ số nợ trong phạm vi an toàn (0,78), mức độ bảo toàn vốn là 1,002 lần. Mặc dù các chỉ số hoạt động tài chính vẫn duy trì trong ngưỡng an toàn, tuy nhiên hoạt động SXKD và tình hình tài chính của Tổng công ty năm vừa qua còn nhiều khó khăn.

Công tác tổ chức, điều hành thi công cũng như thanh toán, quyết toán khối lượng, thu hồi vốn, thu hồi công nợ còn nhiều hạn chế, chưa hiệu quả, dẫn tới nợ phải thu cao, tiến độ thi công kéo dài nên phát sinh nhiều chi phí. Vốn tồn đọng nhiều trong khâu sản xuất, khâu thanh toán, cùng việc xây dựng kế hoạch vốn, vận hành vốn chưa tốt nên có thời điểm gặp khó khăn về dòng tiền cho nhu cầu SXKD và chi trả các khoản nợ đến hạn, ảnh hưởng lớn đến khả năng kiểm soát tình hình tài chính và nhiệm vụ bảo toàn vốn trong năm vừa qua.

Việc huy động vốn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và quyết nghị của HĐQT, tuy nhiên việc trả nợ đến hạn còn gặp nhiều khó khăn.

2.3 Thực hiện công tác tái cơ cấu

- Tái cơ cấu tổ chức sản xuất và bộ máy quản lý: Năm 2025, Tổng công ty đã triển khai thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại các phòng ban, đơn vị trực thuộc, thực hiện công tác định biên nhân sự theo hướng tinh, gọn, hiệu quả. Hiện nay bộ máy tổ chức của Tổng công ty có 04 phòng, 01 ban và 07 chi nhánh; số lao động đi làm thực tế tính đến 31/12/2025 là 117 người (giảm cơ học 41 người) và tính tới thời điểm 20/3/2026 là 103 người (giảm cơ học 55 người) so với thời điểm 01/01/2025. Công tác này đã và đang tiếp tục được Tổng công ty triển khai thực hiện trong năm 2026.

- HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành, các bộ phận chức năng phối hợp với các đơn vị có liên quan của SCIC, đơn vị tư vấn... trong quá trình triển khai thoái vốn của SCIC tại Viwaseen. Ngày 8/12/2025, công tác bàn giao quyền chủ sở hữu từ SCIC về Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (Vinaconex) đã hoàn thành.

V- TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO HĐQT, BKS NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2026

(Chi tiết theo Tờ trình số /TTr-HĐQT ngày /4/2026 của HĐQT trình tại ĐHĐCĐ).

VI- MỘT SỐ VẤN ĐỀ TỒN TẠI

- Các chỉ tiêu kết quả SXKD đạt được thấp, không hoàn thành Kế hoạch ĐHĐCĐ giao, công tác tổ chức, điều hành thi công, tiến độ thi công, thanh quyết toán khối lượng, thu hồi vốn chậm, chưa quyết liệt; Một số khoản đầu tư tài chính tại đơn vị thành viên chưa hiệu quả/ hiệu quả thấp.

- Báo cáo tài chính còn nhiều điểm ngoại trừ; tình hình tài chính khó khăn, tiềm ẩn rủi ro trong việc bảo toàn vốn, chưa có cổ tức cho cổ đông.

- Hệ thống quy chế quản trị chưa hoàn thiện, một số quy chế, quy định cần đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với Chương trình tuân thủ doanh nghiệp vẫn trong giai đoạn dự thảo.

- Tính chuyên nghiệp trong bộ máy quản lý chưa cao. Thiếu cán bộ quản lý và lao động chuyên môn có trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu công việc. Sự thiếu hụt đó đã ảnh hưởng trực tiếp tới công tác quản lý, giám sát, điều hành, đặc biệt trong lĩnh vực xây lắp.

- Chương trình tuân thủ theo thỏa thuận với Ngân hàng thế giới chưa hoàn thành, lệnh cấm của WB đối với Tổng công ty vẫn chưa được giải trừ ảnh hưởng đến công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2026

Năm 2026 là năm đầu tiên Tổng công ty về trực thuộc hệ sinh thái Vinaconex; trong bối cảnh thời cơ và thách thức đan xen, để Viwaseen có bước chuyển mình mạnh mẽ về tổ chức, tài chính và quản trị, vận hành hiệu quả trong thời gian tới, HĐQT xác định nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 như sau:

- Tổ chức triển khai hiệu quả các nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026, đảm bảo đúng mục tiêu, đúng trọng tâm. Chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu SXKD	Công ty Mẹ	Hợp nhất toàn Tổng công ty
1	Giá trị SXKD	105,3	886,8
2	Giá trị Đầu tư	118,7	152,3
3	Doanh thu, TN khác	133,5	846,2
4	Lợi nhuận trước thuế	1,25	52,4
5	Nộp NSNN	9,7	38,7
6	Cổ tức	0%	-

- Tiếp tục Giám sát Ban điều hành thực hiện lộ trình tái cấu trúc Tổng công

ty theo hướng tinh gọn - minh bạch và hiệu quả, đáp ứng các yêu cầu trong quản trị, điều hành; Chỉ đạo Ban điều hành nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội để đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực hạ tầng cấp thoát nước, xử lý nước thải và môi trường dựa trên nền tảng công nghệ tiên tiến, hoàn thiện thủ tục để triển khai các dự án đầu tư theo định hướng, chiến lược phát triển của Tổng công ty trong giai đoạn mới.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số thông qua việc sử dụng trí tuệ nhân tạo AI làm nền tảng vào hoạt động quản lý, giám sát của HĐQT và hoạt động điều hành SXKD, giúp cho công tác quản trị điều hành, phân tích, dự báo và ra quyết định của Tổng công ty được thực hiện nhanh chóng, chính xác và khoa học, tối đa hoá hiệu quả.

- Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành đẩy mạnh công tác thanh quyết toán, thu hồi công nợ quyết liệt xử lý các tồn tại tại các công trình để tăng nguồn vốn kinh doanh, tăng cường năng lực quản trị tài chính, kiểm soát dòng tiền hiệu quả, chủ động nguồn lực cho sản xuất kinh doanh trong các năm tiếp theo.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026.

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình ĐHĐCĐ!



Tô Dũng

Số: 02 /BC-BKS

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

**Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025; đánh giá kết quả kinh doanh,
kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc năm 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam – CTCP; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam – CTCP;

Ban kiểm soát kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Ban kiểm soát, đánh giá kết quả kinh doanh, hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban Tổng giám đốc trong năm 2025 trên các khía cạnh trọng yếu như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát Tổng công ty trong năm 2025 có 3 thành viên, bao gồm:

- Bà **Bùi Khánh Linh** - Trưởng ban
- Bà **Nguyễn Thị Ngọc Diệp** - Thành viên
- Ông **Vũ Thành Công** - Thành viên

ĐHĐCĐ bất thường ngày 05/03/2026 của Tổng công ty đã miễn nhiệm các thành viên Ban kiểm soát trên và bầu Ban kiểm soát mới, Ban kiểm soát Tổng công ty từ ngày 05/03/2026 gồm các thành viên:

- Ông **Vũ Văn Mạnh** - Trưởng ban
- Ông **Bùi Anh Duy** - Thành viên
- Bà **Trần Thị Kim Oanh** - Thành viên

1. Kết quả hoạt động

Trong năm, Ban kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ, nội dung chủ yếu thông qua kế hoạch kiểm soát, triển khai kế hoạch giám sát, thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm quy định tại Điều lệ, cụ thể:

- Triển khai, thực hiện công tác giám sát các hoạt động quản lý của HDQT trong việc thực hiện Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ; hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nghị quyết của HDQT, các quy chế, quy định nội bộ Tổng Công ty.

- Tham dự các cuộc họp của HDQT, các cuộc họp của Ban điều hành; Kiểm tra công tác tài chính, kế toán; soát xét, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh các quý, bán niên và cả năm.



- Phối hợp với Kiểm toán nội bộ thực hiện các cuộc kiểm toán và đưa ra các kiến nghị về xây dựng hạn mức tín dụng phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh; về xây dựng mới các quy chế, quy định phù hợp với nhu cầu quản trị nội bộ; về quản lý hợp đồng, quản lý chi phí công trình.

- Trong năm 2025, Ban kiểm soát không nhận được văn bản từ cổ đông/nhóm cổ đông yêu cầu kiểm tra vấn đề cụ thể nào liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp và hỗ trợ từ HĐQT, Ban Tổng giám đốc cũng như các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty cung cấp tài liệu, hồ sơ, thông tin, để Ban thực hiện nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao.

2. Kế hoạch hoạt động năm 2026

Ban kiểm soát tiếp tục phối hợp với HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành và thực hiện tốt công tác giám sát, kiểm soát thường xuyên và định kỳ theo quy định.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và lợi ích khác của Ban kiểm soát

Thù lao và các khoản chi phí hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 đề nghị Quý cổ đông xem tại Báo cáo chi trả tiền thù lao cho thành viên HĐQT, thành viên BKS Tổng công ty đang trình ĐHĐCĐ.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ ĐHĐCĐ thường niên 2025 giao

Tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2025, ĐHĐCĐ giao HĐQT chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các giải pháp mạnh mẽ để nâng cao hiệu quả hoạt động, cải thiện tình hình tài chính, hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận được ĐHĐCĐ giao. Tuy nhiên, kết quả thực hiện còn hạn chế, cụ thể như sau:

Đvt: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Công ty Mẹ			Hợp nhất Tổng công ty		
		Kế hoạch	Thực hiện	% hoàn thành	Kế hoạch	Thực hiện	% hoàn thành
1	Giá trị SXKD	487,8	345,0	70,7%	1.255,7	1.146,9	91,3%
2	Đầu tư phát triển	22,9	4,6	20,1%	56,2	9,6	17,1%
3	Tổng doanh thu, TN	503,9	285,1	56,6%	1.143,3	981,9	85,9%
4	LN trước thuế	2,6	1,2	46,2%	27,7	38,1	137,5%
5	Nộp NSNN	12,0	15,6	130,0%	42,3	47,1	111,3%
6	Cổ tức	0%	0%	-	-	-	-

- Công ty Mẹ: Ngoài chỉ tiêu nộp NSNN vượt kế hoạch, các chỉ tiêu còn lại đều không hoàn thành kế hoạch.

- Hợp nhất Tổng công ty: Không hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu giá trị SXKD, ĐTPT và tổng doanh thu, tuy nhiên Công ty vượt kế hoạch chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và nộp NSNN.

2. Công tác quản lý của Hội đồng quản trị

HĐQT đã tổ chức các cuộc họp theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ về thủ tục triệu tập, tham gia ý kiến và biểu quyết; các cuộc họp được ghi biên bản, lưu giữ theo quy định. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành thông qua các cuộc họp trực tiếp hoặc xin ý kiến bằng văn bản, phù hợp với kết quả biểu quyết. Chi tiết các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đề nghị Quý cổ đông xem tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025 của Tổng công ty đã được đăng tải trên website của Tổng công ty.

Hoạt động của HĐQT trong năm 2025 tập trung vào các nội dung trọng yếu sau:

- Lập chương trình công tác, cụ thể hóa nhiệm vụ tổ chức, quản lý, giám sát Ban điều hành thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Thông qua chương trình, nội dung và tổ chức ĐHCĐ thường niên 2025.

- Giám sát Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư; chỉ đạo công tác rà soát thu hồi nợ phải thu, phân loại hàng tồn kho, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tồn đọng; chỉ đạo thực hiện chương trình tuân thủ nhằm tháo gỡ lệnh cấm của WorldBank; phê duyệt đầu tư Dự án di dời Trạm xử lý nước sạch DeepC; phê duyệt đầu tư dự án xây dựng lắp đặt tuyến ống nước thô tại KCN Deep CI; chỉ đạo BDH tiếp tục nghiên cứu, đề xuất phương án để chấm dứt hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Tiến Đại Phát và triển khai đầu tư/hợp tác đầu tư tại dự án Hạ Đình.

- Định hướng Ban điều hành trong công tác sáp nhập phòng ban, tinh gọn bộ máy quản lý, sắp xếp chi nhánh để phù hợp với tình hình SXKD của Tổng công ty.

- HĐQT quản lý phần vốn tại các công ty thành viên thông qua việc cử, thôi cử các cán bộ đại diện quản lý phần vốn góp và giới thiệu tham gia HĐQT, Ban kiểm soát tại các công ty, thỏa thuận để người đại diện vốn tham gia biểu quyết về kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chủ trương đầu tư, mua sắm tài sản của các công ty thành viên.

- Kế hoạch tái cơ cấu 2021-2025, trong đó danh sách dự kiến thoái vốn đợt 1 gồm 7 đơn vị chưa được thực hiện do Tổng công ty cần thực hiện công tác sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất theo quy định tại Nghị định 167/2017/NĐ-CP và Nghị định 67/2021/NĐ-CP và tạm dừng công tác thoái vốn để rà soát theo chỉ đạo của SCIC tại văn bản số 21/ĐTKDV-KHTH ngày 07/01/2025.

3. Công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ của Tổng công ty, triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT.

Về thực hiện chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

- Công ty Mẹ: Tổng doanh thu 285,1 tỷ đồng, đạt 56,6% so với kế hoạch năm 2025 và bằng 92,7% so với thực hiện năm 2024. Lợi nhuận trước thuế 1,2 tỷ đồng, đạt 46,2% so với kế hoạch năm 2025 và bằng 51,4% so với thực hiện năm 2024.

- Hợp nhất Tổng công ty: Tổng doanh thu 981,9 tỷ đồng, đạt 85,9% so với kế hoạch năm 2025 và bằng 110,7% so với thực hiện năm 2024. Lợi nhuận trước thuế 38,1 tỷ đồng, đạt 137,5% so với kế hoạch năm 2025 và bằng 161,1% so với thực hiện năm 2024.

Nguyên nhân chính dẫn đến kết quả SXKD đạt thấp, không hoàn thành kế hoạch được ĐHĐCĐ giao, đặc biệt là của Công ty mẹ chủ yếu là do những bất cập trong hoạt động xây lắp:

- Việc chưa hoàn thành chương trình tuân thủ của Ngân hàng thế giới khiến cho Tổng công ty không tiếp cận được các dự án có nguồn vốn nước ngoài, nguồn công việc bị hạn chế;

- Trong công tác đấu thầu: chất lượng hồ sơ dự thầu chưa đảm bảo, không lường hết được các rủi ro về phát sinh khối lượng, biện pháp thi công;

- Trong tổ chức thi công: Tổ chức bộ máy quản lý công kênh, nhiều tầng nấc; Quá trình điều hành, quản lý hợp đồng không bám sát phương án kinh doanh, xảy ra hiện tượng thực thanh thực chi; Khó khăn dồn tích từ các năm trước, dẫn đến vận hành dòng tiền đôi khi không đáp ứng kịp thời yêu cầu của công trình, ảnh hưởng đến tiến độ, từ đó gây chậm trễ trong nghiệm thu, thanh toán;

- Trong quyết toán: công tác quyết toán nội bộ với các đơn vị nhận thầu, nhận khoán không song hành quyết toán với Chủ đầu tư nên việc xử lý/xuất toán chi phí không kịp thời. Một số hợp đồng giao thầu, giao khoán, mua sắm còn thiếu các điều khoản phân tán rủi ro khiến rủi ro cắt giảm quyết toán, rủi ro chậm thanh toán, khối lượng phát sinh, phạt hợp đồng ... không được san sẻ cho các bên mà phần lớn do Tổng công ty gánh chịu.

- Trong nghiệm thu, thu tiền: thiếu quyết liệt trong thu hồi công nợ khiến vốn lưu động bị tồn đọng ở các khoản nợ phải thu khó đòi, chi phí dở dang...vốn lưu động phụ thuộc vào nguồn vốn vay.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2025

1. Công tác lập Báo cáo tài chính

Tổng công ty đã lập và công bố Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất hàng quý, bán niên và năm 2025 theo quy định của pháp luật, phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Luật Kế toán hiện hành, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt, là một trong các đơn vị kiểm toán được ĐHĐCĐ năm 2025 thông qua lựa chọn.

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, ngoại trừ ảnh hưởng của một số vấn đề liên quan đến việc chưa đối chiếu đầy đủ một số khoản công nợ phải thu, trả trước, tạm ứng quá hạn thanh toán; chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của một số hợp đồng xây dựng tồn đọng, kéo dài; chưa bù trừ đầy đủ số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và tính đầy đủ của số dư dự phòng đầu tư tài chính tại các công ty thành viên.

2. Tình hình tài sản, nguồn vốn và kết quả SXKD của Công ty Mẹ

2.1. Tình hình tài sản

Tổng tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2025 là 1.097 tỷ đồng, giảm 3% so năm trước ở cả hạng mục tài sản ngắn hạn và dài hạn, cụ thể:

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024	Tại 31/12/2025	Tỷ lệ 2025 / 2024
I. Tài sản ngắn hạn	705.395	685.263	97,1%
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	8.948	31.574	352,8%
2. Phải thu ngắn hạn	395.618	362.197	91,6%
<i>Tr/đó: Phải thu ngắn hạn khách hàng</i>	202.995	181.255	89,3%
<i>DP phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	-20.421	-32.684	160,1%
<i>Trả trước cho người bán</i>	89.229	89.969	100,8%
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	123.364	123.207	99,9%
3. Hàng tồn kho	294.154	286.905	97,5%
4. Tài sản ngắn hạn khác	6.675	4.587	68,7%
II. Tài sản dài hạn	426.830	412.540	96,7%
1. Các khoản phải thu dài hạn	100	100	100,0%
2. Tài sản cố định	136.498	128.330	94,0%
3. Bất động sản đầu tư	10.636	10.374	97,5%
4. Tài sản dở dang dài hạn	39.121	43.783	111,9%
5. Đầu tư tài chính dài hạn	227.895	218.388	95,8%
<i>Tr/đó: Dự phòng ĐTTC dài hạn</i>	-37.655	-47.162	125,2%
Tổng tài sản	1.132.225	1.097.803	97,0%

- So với năm 2024, tài sản ngắn hạn giảm gần 3%. Kết quả thu hồi các khoản công nợ cũ còn hạn chế: trong 362 tỷ đồng phải thu ngắn hạn, có hơn 100 tỷ đồng tuổi nợ trên 3 năm. Năm 2025, Tổng công ty đã trích lập dự phòng thêm 12,2 tỷ cho số công nợ khó đòi này.

- Hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2025 là 286 tỷ đồng, trong đó chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là 279 tỷ đồng (chiếm hơn 25% tổng tài sản), chủ yếu tại công trình Sân bay Techo (92 tỷ đồng), Sông Đà EPC-02 (12 tỷ đồng), TV thiết kế bản vẽ thi công Sông Đà GD2 (13,7 tỷ đồng)... Nhiều công trình đã thi công xong, đã hết doanh thu nhưng còn tồn đọng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang kéo dài.

- Tài sản dở dang dài hạn tăng không đáng kể, chủ yếu là tiền thuê đất của dự án 52 Quốc Tử Giám, dự án Hạ Đình.

- Về đầu tư tài chính dài hạn, Tổng công ty đầu tư vào 12 công ty con, 7 công ty liên doanh, liên kết và 2 đơn vị khác với tổng số vốn đầu tư là 265,55 tỷ đồng chiếm 24% tổng tài sản tương ứng 45,8% vốn điều lệ. Trong đó có 1/12 công ty con (Waseco), 1/7 công ty liên kết (ĐTXD CTN Suối Dầu) hoạt động hiệu quả, cho dòng cổ tức ổn định, số còn lại hoạt động hiệu quả thấp hoặc thua lỗ, không bảo toàn được hoặc mất toàn bộ vốn chủ sở hữu. Năm 2025, Tổng công ty tiếp tục trích lập dự phòng đầu tư tài chính lên thành 47,2 tỷ đồng (trích thêm 9,5 tỷ đồng).

2.2. Tình hình nguồn vốn

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024	Tại 31/12/2025	Tỷ lệ 2025/2024
Nợ phải trả	516.731	480.778	93,0%
1. Nợ ngắn hạn	488.913	456.004	93,3%
<i>Tr/đó: Vay và nợ ngắn hạn</i>	149.404	89.582	60,0%
<i>Phải trả người bán</i>	222.657	223.339	100,3%
<i>Người mua trả tiền trước</i>	42.737	52.778	123,5%
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	33.678	53.011	157,4%
2. Nợ dài hạn	27.818	24.774	89,1%
<i>Tr/đó: Vay và nợ dài hạn</i>	3.044	0	0,0%
<i>Phải trả dài hạn khác</i>	24.774	24.774	100,0%
Vốn chủ sở hữu	615.494	617.024	100,2%
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	580.186	580.186	100,0%
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.394	3.008	125,6%
2. Quỹ đầu tư phát triển	1.410	1.410	100,0%
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	31.504	32.420	102,9%
Tổng nguồn vốn	1.132.225	1.097.803	97,0%

Tổng nguồn vốn giảm 3% so năm trước do giảm các khoản nợ phải trả, bao gồm cả nợ ngắn hạn và nợ dài hạn.

Trong năm 2025, Tổng công ty vay từ 2 ngân hàng Vietinbank, BIDV và một số đơn vị khác số tiền 136 tỷ đồng và trả 199 tỷ đồng, đưa số dư nợ vay giảm từ 152 tỷ đồng xuống còn 89 tỷ đồng.

2.3. Kết quả sản xuất kinh doanh

Năm 2025, Công ty mẹ tiếp tục duy trì hoạt động SXKD ở các lĩnh vực xây lắp, sản xuất công nghiệp (kinh doanh nước thô, nước sạch) và dịch vụ văn phòng, kết quả như sau:

Đvt: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	2024	2025	2025/2024
1	Doanh thu thuần	290.327	266.176	91,7%
	<i>Từ bán nước thô, nước sạch</i>	36.589	32.999	90,2%
	<i>Từ cung cấp dịch vụ</i>	18.467	16.797	91,0%
	<i>Từ hợp đồng xây dựng</i>	235.271	216.380	92,0%
2	Giá vốn	269.215	234.907	87,3%
	<i>Của hàng hóa đã bán</i>	15.182	15.164	99,9%
	<i>Của dịch vụ đã cung cấp</i>	11.880	11.384	95,8%
	<i>Hợp đồng xây dựng</i>	242.152	208.359	86,0%
3	Doanh thu tài chính	17.295	18.196	105,2%
	<i>tr/đó Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	16.817	17.683	105,2%
4	Chi phí tài chính	14.746	17.783	120,6%
	<i>trong đó Chi phí lãi vay</i>	13.541	8.250	60,9%
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.459	30.003	146,7%
6	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	3.202	1.678	52,4%

7	Lợi nhuận khác	(806)	(447)	55,4%
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.396	1.231	51,4%
9	Lợi nhuận sau thuế	1.529	916	60,0%
10	Tỷ suất lợi nhuận gộp	7,27%	11,75%	
	<i>Từ hoạt động bán hàng</i>	58,51%	54,05%	
	<i>Từ cung cấp dịch vụ</i>	35,67%	32,22%	
	<i>Từ hợp đồng xây dựng</i>	-2,92%	3,71%	
11	Tỷ suất lợi nhuận ròng	0,53%	0,34%	
12	Tỷ suất lãi vay / doanh thu	4,66%	3,10%	
13	Tỷ suất CF QLDN/doanh thu	7,05%	11,27%	

Doanh thu năm 2025 của Công ty mẹ giảm gần 9% so với năm 2024, giảm ở tất cả các lĩnh vực hoạt động. Xây lắp là lĩnh vực có tỷ suất lợi nhuận gộp thấp nhất, không trang trải được chi phí lãi vay và chi phí quản lý doanh nghiệp theo tỷ lệ chung.

Doanh thu tài chính năm 2025 tăng nhẹ, Công ty mẹ nhận được cổ tức từ 5/12 công ty con là Công ty WASECO, VIWASEEN3, VIWASEEN.11, VIWASEEN.14 và Công ty Suối Dầu.

Chi phí tài chính năm 2025 tăng 3,04 tỷ đồng, do trích lập dự phòng đầu tư tài chính 9,51 tỷ đồng (năm 2024 không trích).

Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng do trích lập dự phòng phải thu khó đòi 12,26 tỷ đồng (năm 2024 không trích), còn tất cả các khoản mục chi phí khác đều được tiết giảm hơn so năm trước.

3. Kết quả SXKD và tình hình tài sản, nguồn vốn hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty được hợp nhất từ Công ty Mẹ, 10/12 công ty con đầu tư trực tiếp và 1/1 công ty con đầu tư gián tiếp. Kết quả như sau:

DVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2024	2025	2025/2024
I	Kết quả hoạt động kinh doanh			
1	Tổng doanh thu	885.143	980.943	110,8%
	<i>Doanh thu thuần về BH và CCDV</i>	881.583	976.732	110,8%
	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	3.560	4.211	118,3%
2	Phân lãi hoặc lỗ trong công ty LD, liên kết	3.934	5.831	148,2%
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.682	38.151	161,1%
4	Lợi nhuận sau thuế	15.297	26.133	170,8%
5	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	4.344	15.383	354,1%
II	Tài sản = nguồn vốn	1.983.127	1.959.693	98,8%
1	Tài sản ngắn hạn	1.392.685	1.394.413	100,1%
2	Tài sản dài hạn	590.442	565.280	95,7%
3	Nợ phải trả	1.266.049	1.229.396	97,1%
	<i>Nợ ngắn hạn</i>	1.097.100	1.076.506	98,1%
	<i>Nợ dài hạn</i>	168.949	152.890	90,5%
4	Vốn chủ sở hữu	717.078	730.297	101,8%
	<i>Tr/đó: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	(22.581)	(9.378)	41,5%

Số: 27 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua quyết toán tiền lương,
thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026

Kính gửi: **Đại hội cổ đông thường niên năm 2026**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025,

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua Quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026 như sau:

1. Quyết toán tiền lương, thù lao thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát năm 2025:

Chức danh	Tiền lương thành viên chuyên trách (VNĐ)	Thù lao thành viên kiêm nhiệm (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Hội đồng quản trị	430.747.352	144.000.000	430.747.352
Ban Kiểm soát	309.182.290	24.000.000	309.182.290
TỔNG	739.929.642	168.000.000	907.929.642

2. Kế hoạch tiền lương, thù lao thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát năm 2026:

a) Tiền lương, thù lao thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát giai đoạn từ 01/01/2026 đến 28/02/2026

Chức danh	Tiền lương thành viên chuyên trách (VNĐ)	Thù lao Thành viên kiêm nhiệm (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Hội đồng quản trị	65.000.000	80.000.000	145.000.000
Ban Kiểm soát	44.000.000	20.000.000	64.000.000
TỔNG	109.000.000	100.000.000	209.000.000



b) Thù lao thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát giai đoạn từ 03/2026 đến 31/12/2026

Chức danh	Số tháng	Mức thù lao (VNĐ/tháng)	Tổng cộng (VNĐ)
Chủ tịch Hội đồng quản trị	10	15.000.000	150.000.000
Thành viên HĐQT (04 thành viên)	10	10.000.000	400.000.000
Trưởng Ban Kiểm soát	10	10.000.000	100.000.000
Thành viên BKS (02 thành viên)	10	5.000.000	100.000.000
TỔNG			750.000.000

Tổng tiền lương, thù lao thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát năm 2026 là: **959.000.000 đồng**.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Tô Dũng

Số: 03./2026/TTr-BKS

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ của Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam – CTCP (Tổng công ty); Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty;
- Kết quả thẩm tra của Ban Kiểm soát về công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng công ty.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP thông qua nội dung sau:

Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định lựa chọn một công ty trong Danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026 để soát xét, kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Vũ Văn Mạnh

Số: 26 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán An Việt,

1. Lợi nhuận Công ty mẹ

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025: 916.486.715 đồng
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế tại 31/12/2025: 32.420.354.748 đồng

2. Lợi nhuận hợp nhất toàn Tổng công ty

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế tại 31/12/2025: (9.377.677.264) đồng

Do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hợp nhất toàn Tổng công ty lũy kế đến ngày 31/12/2025 là (9.377.677.264) đồng, Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc không thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế kỳ này.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Tô Dũng

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi bổ sung từng thời điểm;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi bổ sung từng thời điểm;
- Điều lệ Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP;
- Nhu cầu thực tiễn tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP;

Nhằm bảo đảm việc tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành và thực tiễn hoạt động, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP (chi tiết Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi được đính kèm Tờ trình này).
2. Giao cho Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty ký ban hành hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình ĐHCĐ Tổng công ty xem xét và thông qua nội dung trên.

Xin trân trọng cảm ơn!



Tô Dũng

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ
NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM – CTCP
(VIWASEEN)**



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Ngày 23 tháng 4 năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty	2
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	2
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty	2
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty	3
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	3
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	3
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	4
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	4
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	5
Điều 10. Thu hồi cổ phần	5
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	5
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	5
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
Điều 12. Quyền của cổ đông	5
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	7
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 17. Thay đổi các quyền	11
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	14
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	17
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	17

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	17
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	18
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	19
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	20
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	21
Điều 31. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	23
Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty	23
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	23
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	23
Điều 34. Người điều hành Tổng công ty	24
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	24
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT.....	25
Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	25
Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát.....	25
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	26
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	26
Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	27
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	27
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	27
Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng	27
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	27
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	28
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY	28
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	29
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	29
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn.....	29
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	29
Điều 47. Phân phối lợi nhuận	29
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	30
Điều 48. Tài khoản ngân hàng.....	30
Điều 49. Năm tài chính.....	30
Điều 50. Chế độ kế toán	30

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	30
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	30
Điều 52. Báo cáo thường niên	31
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY	31
Điều 53. Kiểm toán.....	31
CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	31
Điều 54. Dấu của doanh nghiệp.....	31
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY	31
Điều 55. Giải thể Tổng công ty	31
Điều 56. Thanh lý	32
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	32
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	32
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	32
Điều 58. Điều lệ Tổng công ty.....	32
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	33
Điều 59. Ngày hiệu lực.....	33

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty ngày tháng 4 năm 2026.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) "**Vốn điều lệ**" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b) "**Vốn có quyền biểu quyết**" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) "**Luật Doanh nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
 - d) "**Luật Chứng khoán**" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e) "**Ngày thành lập**" là ngày Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - f) "**Người quản lý doanh nghiệp**" là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị Tổng công ty bổ nhiệm;
 - g) "**Người điều hành doanh nghiệp**" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;
 - h) "**Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành**" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;
 - i) "**Thành viên độc lập Hội đồng quản trị**" là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - j) "**Người phụ trách quản trị Tổng công ty**" là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - k) "**Người có liên quan**" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - l) "**Cổ đông**" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty;
 - m) "**Cổ đông lớn**" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n) "**Thời hạn hoạt động**" là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
 - o) "**Việt Nam**" là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
 - p) "**Tổng công ty**" là Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP.
 - q) "**VIWASEEN**" là tên viết tắt của Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. Tên Tổng công ty
 - ✚ Tên tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM - CTCP**
 - ✚ Tên tiếng Anh: **VIETNAM WATER AND ENVIRONMENT INVESTMENT CORPORATION - JSC**
 - ✚ Tên viết tắt: **VIWASEEN**
 - ✚ Mã chứng khoán: **VIW**
2. Tổng công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty:
 - ✚ Địa chỉ trụ sở chính: Số 52 Quốc Tử Giám, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
 - ✚ Điện thoại: (024) 37472982
 - ✚ Fax: (024) 38431346
 - ✚ Email: info@viwaseen.com.vn;
 - ✚ Website: www.viwaseen.com.vn
4. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 55, thời hạn hoạt động của Tổng công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

1. Tổng công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc Tổng công ty.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty là:
 - a. Ngành nghề kinh doanh chính
 - Đầu tư xây dựng và kinh doanh các hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường; xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
 - Thi công, tổng thầu EPC các công trình cấp thoát nước, vệ sinh môi trường và các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, các dự án công nghiệp, dân dụng khác;

- Đầu tư, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị, nhà ở, văn phòng cho thuê và dịch vụ thương mại;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn, tổng thầu tư vấn thiết kế hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường; Khảo sát trắc địa, khảo sát địa chất thủy văn và thủy văn các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi và thủy điện, đánh giá trữ lượng nước ngầm; Lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị nhà máy nước và hệ thống thoát nước và môi trường, giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động tư vấn quản lý.

b. Ngành, nghề kinh doanh liên quan

- Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công trình đường dây và trạm dưới 35kV; Lắp đặt hệ thống điện; Khoan thăm dò, khoan khai thác nước ngầm, khoan cọc nhồi và xử lý, gia cố nền móng công trình;

- Kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước và môi trường; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng khác;

- Sản xuất bê tông, sản phẩm từ xi măng và cấu kiện kim loại; Sản xuất ống, vòi nhựa, thiết bị lắp đặt bằng nhựa; Chế tạo các sản phẩm kết cấu thép và thiết bị cơ điện công trình, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước và môi trường; Thu gom rác thải và xử lý tiêu hủy rác không độc hại; sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;

- Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng chuyển giao công nghệ; Đào tạo dạy nghề phục vụ chuyên ngành cấp thoát nước và môi trường.

c. Các ngành nghề kinh doanh khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong quá trình hoạt động, Tổng công ty có thể thay đổi ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật, sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Tổng công ty đã thực hiện thông báo thay đổi nội dung đăng ký tới cơ quan đăng ký kinh doanh và được cơ quan đăng ký kinh doanh đồng ý bổ sung vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
3. Tổng công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.
4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty:
Tổng công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký, nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Tổng công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty

Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Tổng công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là 580.186.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi tỷ một trăm tám mươi sáu triệu đồng chẵn). Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành

58.018.600 (Năm mươi tám triệu không trăm mười tám nghìn sáu trăm) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần.

2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
7. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.
8. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty có thể được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu do Tổng công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn 2 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần có thể được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty được lựa chọn theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát; và
4. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu

quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà mình sở hữu trong Tổng Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty;
 - h) Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty;
 - c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Tổng công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
 - b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và quy định tại Điều lệ này.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
 - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;

- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;
 - n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
 - p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q) Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty, bao gồm các nội dung sau: tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền, con dấu (nếu bên ủy quyền hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức có con dấu).
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại thì quy định tại Điều khoản này sẽ không được áp dụng.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

- f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (nếu có);
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày,

kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
 - b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
- 5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
- 6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- 7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- 9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
- 10. Trường hợp Tổng công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

- 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong

báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

- e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp Tổng công ty;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty theo các hình thức sau:
 - a) Trường hợp gửi thư: phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư

điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết được gửi tới các cổ đông được thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên

bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (nếu có) đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có);
 - g) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử một (01) ứng cử viên;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
 - c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
 - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
 - e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;
 - f) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;
 - g) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;
 - h) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên;
 - i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty được đề cử tối đa chín (09) ứng cử viên hoặc toàn bộ số ứng cử viên nếu cơ cấu Hội đồng quản trị có nhiều hơn chín (09) thành viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 11 người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể của từng nhiệm kỳ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định tùy theo từng thời điểm.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tổng công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị
 - a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.
 - b) Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:
 - i) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - ii) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - iii) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng công ty có số thành viên

Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ trường hợp đối với các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Tổng công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;
 - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;
 - q) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị thấy cần thiết phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
- 6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

Trong trường hợp khẩn cấp, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức ngay khi

được tất cả (100%) các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận và tham dự họp.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự họp các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.
12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết

định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

Điều 31. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập Tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của Tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong Tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của Tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị Tổng công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.
3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc

kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty.

2. Tổng công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Tổng công ty

1. Người điều hành Tổng công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.
4. Tiền lương của người điều hành Tổng công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc Tổng công ty; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Tổng công ty.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng công ty và

những người quản lý thuộc thẩm quyền quyết định/bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

- g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - j) Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - k) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;
 - l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Tổng công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty.
5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
6. Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

- 1. Việc ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
- 2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát

- 1. Số lượng Thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 05 người. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- 3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - d) Các trường hợp khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Tổng công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, Tổng công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những

người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Tổng công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.
2. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu tiên (01/12/2006) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 năm 2007.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.
3. Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Tổng công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty.
3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty.
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY

Điều 55. Giải thể Tổng công ty

1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng sau khi có quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
 - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Tổng công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ Tổng công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

- Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

- Bản điều lệ này gồm 21 Chương và 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP nhất trí thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2026 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
- Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
- Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.
- Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty./.



Tô Dũng